

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2021/HS-ST
Ngày: 25-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Thanh Nhân.

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 194/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/HSST-QĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Võ Thị T, sinh năm 1997 tại C. Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã N, huyện P, thành phố C; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn K và bà (Không rõ), chồng tên Huỳnh Văn M1, có 01 người con sinh năm 2017, tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Trương Văn U, sinh năm 1983 tại S. Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh S; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L2 (Đã chết) và bà Quách Thị H1; vợ tên Ngô Thị Diễm T3, có 02 người con sinh năm 2000 và năm 2007, tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Thái Minh N, sinh năm 1990 tại Đ. Hộ khẩu thường trú: Khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đ; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T và bà Đ, vợ tên Trần Thu N1, có 02 người con sinh năm 2013 và năm 2015, tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Hàn Bá T1, sinh năm 1986 tại B. Hộ khẩu thường trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh B; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hàn Văn H2 và bà Lê Thị L2, tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Trần Thị B (Tên gọi khác: H3), sinh năm 1978 tại A. Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh A; chỗ ở: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M2 và bà Tống Thị A; chồng tên Võ Văn T4 (Đã chết), có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Việt T2, sinh năm 1978 tại B. Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh B; chỗ ở: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (Không rõ) và bà Lê Kim Đ, vợ tên Nguyễn Thị K, có 01 người con sinh năm 2006, tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Hà Văn B1, sinh năm 1981 tại K. Hộ khẩu thường trú: Khu phố K, thị trấn T, huyện T, tỉnh K; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T4 (Đã chết) và bà Hồ Thị Tuyết V; vợ tên Thái Thị Thu T5, có 04 người con (Không rõ năm sinh); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Võ Chí L, sinh năm 1998 tại L. Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh B; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Chí L và bà Võ Thị Đ; có 01 người con sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Hồ Văn M, sinh năm 1979 tại A. Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh A; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn C (Đã chết) và bà Huỳnh Thị N (Đã chết); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Trần Văn H, sinh năm 1965 tại K. Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T6 (Đã chết) và bà Trần Thị T7; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

11. Lê Văn M1, sinh năm 1982 tại Đ. Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đ; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn:

02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L2 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L3 (Đã chết); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 tại K. Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh K; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M3; chồng tên Võ Thanh P, có 02 người con, lớn sinh năm 1996 và nhỏ sinh năm 2002; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

13. Võ Thanh P, sinh năm 1974 tại A. Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh K; chỗ ở: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hoàng S1 (Đã chết) và bà Phạm Thị S2 (Đã chết); vợ tên Nguyễn Thị L; có 02 người con, lớn sinh năm 1996 và nhỏ sinh năm 2002; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/02/2021 sau đó chuyển sang tạm giữ đến ngày 04/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người làm chứng: Bà Ngô Thị Diễm T3, sinh năm 1981; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thanh P quen biết Võ Thị T, Trương Văn U, Thái Minh N, Hà Văn B1, Võ Chí L, Hồ Văn M, Hàn Bá T1, Trần Thị B, Nguyễn Việt T2, Trần Văn H và Lê Văn M1 cùng tạm trú tại Nhà trọ Chợ Dòng Sỏi thuộc ấp Dòng Sỏi, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh B1 Dương. Nguyễn Thị L là vợ của Võ Thanh P.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 22/02/2021, T uống rượu cùng U, N, B1, L và M tại phòng trọ của T. Khoảng 19 giờ 00 phút, T nói với cả nhóm qua phòng của P đánh bạc thắng thua bằng tiền thì cả nhóm đồng ý. T ở lại dọn dẹp phòng còn U đi qua phòng số 34F của P hỏi mượn phòng để đánh bạc thắng thua bằng tiền với N, B1, L, M và sẽ đưa tiền xâu cho P thì P đồng ý. U quay về phòng của T lấy theo 01 bộ bài tây loại 52 lá (Có sẵn trong phòng trọ của T) và cùng N, B1, L, M đến phòng của P để cùng đánh bạc. Cả nhóm quy định đánh bạc bằng hình thức bài cào “Ấn Độ” 06 lá, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng, mỗi người làm cái 03 ván, sau đó xoay vòng, khi làm cái hết 03 ván thì người làm cái sẽ đưa cho P từ 10.000 đồng đến 30.000 đồng tiền xâu tùy theo số tiền người làm cái thắng được. Một lúc sau, T cũng đến đánh bạc cùng U, N, B1, L và M.

Khoảng 19 giờ 30 phút, L mua thức ăn về thấy trong phòng có U, N, B1, L, M và T đang đánh bạc thắng thua bằng tiền. L hỏi P thì P nói với L cho nhóm của U mượn chỗ đánh bạc để thu tiền xâu. P kêu L ở trong phòng thu tiền xâu còn P sẽ ra cổng cảnh giới, khi có Công an đến P sẽ thông báo cho L biết để kêu những người đánh bạc trong phòng giải tán thì L đồng ý. Một lúc sau, U kêu L đi mua bài mới về để tiếp tục đánh bạc thì L đi ra tiệm tạp hóa gần đây trọ mua 03 bộ bài tây 52 lá về đưa cho nhóm của U. Khoảng 20 giờ 00 phút đến 22 giờ 00 phút, T1, B, T2, H và M1 đi ngang qua phòng của P và L thấy có nhiều người đang đánh bạc thắng thua bằng tiền nên vào tham gia. U và H chơi 01 tụ bài, N và M1 chơi 01 tụ bài, M và T chơi 01 tụ bài, T2 và T1 chơi 01 tụ bài, còn lại B1, L, B mỗi người chơi 01 tụ bài. Mỗi tụ bài sẽ làm cái 03 ván, sau đó xoay vòng, riêng tụ bài của B và tụ bài của M, T

không tham gia làm cái. Khoảng 23 giờ 00 phU, Công an xã An Tây, thị xã Bến Cát tiến hành bắt quả tang U, N, B1, M, L, T, T1, B, T2, H, M1 đang đánh bạc thắng thua bằng tiền và thu giữ:

Tổng số tiền 18.740.000 đồng.

04 bài tây loại 52 lá (02 bộ đã qua sử dụng và 02 bộ chưa sử dụng).

Công an xã An Tây, thị xã Bến Cát chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra xác định được:

Trương Văn U mang theo số tiền 600.000 đồng để đánh bạc và thua hết. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của U là 600.000 đồng.

Thái Minh N mang theo số tiền 6.000.000 đồng để đánh bạc. N lấy ra trước số tiền 500.000 đồng để đánh bạc còn lại số tiền 5.500.000 đồng N để trong túi quần khi nào thua sẽ tiếp tục lấy số tiền còn lại ra đánh bạc tiếp. Khi bị bắt, N thắng số tiền 1.500.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang thu giữ số tiền 7.350.000 đồng trên chiếu bạc và số tiền 170.000 đồng trên người N. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của N là 7.520.000 đồng.

Hà Văn B1 mang theo số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, B1 thua số tiền 600.000 đồng còn lại số tiền 600.000 đồng để trong túi quần bị Công an thu giữ. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của B1 là 1.200.000 đồng.

Võ Chí L mang theo số tiền 2.200.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, L thua số tiền 400.000 đồng còn lại số tiền 1.800.000 đồng để trong túi quần bị Công an thu giữ. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của L là 2.200.000 đồng.

Hồ Văn M mang theo số tiền 450.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, M thắng số tiền 100.000 đồng, Công an thu giữ của M số tiền 550.000 đồng trong túi quần. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của M là 550.000 đồng.

Võ Thị T mang theo số tiền 200.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, T thua số tiền 50.000 đồng còn lại số tiền 150.000 đồng để trong túi quần bị Công an thu giữ. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của T là 200.000 đồng.

Hàn Bá T1 mang theo số tiền 2.040.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, T1 thắng số tiền 710.000 đồng và bị Công an thu giữ số tiền 2.750.000 đồng trong túi quần. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của T1 là 2.750.000 đồng.

Trần Thị B mang theo số tiền 2.500.000 đồng để đánh bạc. B lấy ra trước số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc còn lại số tiền 1.500.000 đồng để trong ốp điện thoại khi nào thua sẽ lấy ra đánh bạc. Khi bị bắt, B thua số tiền 100.000 đồng còn số tiền 900.000 đồng B ném xuống chiếu bạc, còn lại số tiền 1.500.000 đồng để trong ốp điện thoại bị Công an thu giữ. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của B là 2.500.000 đồng.

Nguyễn Việt T2 mang theo số tiền 600.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, T2 thắng được số tiền 1.000.000 đồng và bị Công an thu giữ số tiền 1.600.000 đồng để trong túi áo khoác của T2. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của T2 là 1.600.000 đồng.

Trần Văn H mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, H không thắng, không thua và bị Công an thu giữ số tiền 500.000 đồng để trong túi quần. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của H là 500.000 đồng.

Lê Văn M1 mang theo số tiền 300.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, M1 không thắng, không thua và bị Công an thu giữ số tiền 300.000 đồng trong túi quần. Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của M1 là 300.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Thái Minh N, Hàn Bá T1, Trần Thị B (Hằng), Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Võ Chí L, Hồ Văn M, Trần Văn H và Lê Văn M1 sử dụng để đánh bạc là 19.920.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Nguyễn Thị L và Võ Thanh P không tham gia đánh bạc nhưng sử dụng nơi ở cho người khác đánh bạc thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu. Sau 03 ván, người làm cái đưa cho L và P số tiền từ 10.000 đồng đến 30.000 đồng. Khi bị bắt, tổng số tiền xâu mà L và P thu được là 270.000 đồng từ những tụ bài tham gia làm cái gồm: B1, L, U, H, N, M1, T2 và T1.

Tại Cáo trạng số 192/CT-VKS-BC ngày 03/10/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát quyết định:

Truy tố các bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Thái Minh N, Hàn Bá T1, Trần Thị B, Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Võ Chí L, Hồ Văn M, Trần Văn H và Lê Văn M1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L và Võ Thanh P về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 35, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Hồ Văn M, Trần Văn H, Lê Văn M1; mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Xử phạt các bị cáo Hàn Bá T1, Trần Thị B (H3), Võ Chí L; mỗi bị cáo số tiền từ 22.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng

- Xử phạt bị cáo Thái Minh N số tiền 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 35, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Thanh P và Nguyễn Thị L, mỗi bị cáo số tiền từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 18.740.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc và thu L từ việc đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 04 bộ bài tây loại 52 lá (02 bộ đã qua sử dụng và 02 bộ chưa sử dụng) là công cụ dùng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng truy tố, không tranh luận và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị T và bị cáo Trần Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào biên bản phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 22/02/2021, tại phòng số 34F Nhà trọ Chợ D, thuộc ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B, các bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Thái M N, Hàn Bá T1, Trần Thị B, Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Võ Chí L, Hồ Văn M, Trần Văn H và Lê Văn M1 đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền, bằng hình thức bài cào “Ấn Độ” 06 lá. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 19.920.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), cụ thể:

Bị cáo Trương Văn U sử dụng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Thái Minh N sử dụng số tiền 7.520.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Hàn Bá T1 sử dụng số tiền 2.750.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Trần Thị B sử dụng số tiền 2.500.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Võ Chí L sử dụng số tiền 2.200.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Nguyễn Việt T2 sử dụng số tiền 1.600.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Hà Văn B1 sử dụng số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Hồ Văn M sử dụng số tiền 550.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Trần Văn H sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Võ Thị T sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Lê Văn M1 sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc.

Các bị cáo Nguyễn Thị L và Võ Thanh P không trực tiếp đánh bạc nhưng sử dụng nơi ở cho những người khác đánh bạc thắng thua bằng tiền và thu L số tiền 270.000 đồng.

[4] Xét thấy hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Bản cáo trạng số 192/CT-VKS-BC ngày 03/10/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố các bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Thái Minh N, Hàn Bá T1, Trần Thị B, Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Võ Chí L, Hồ Văn M, Trần Văn H và Lê Văn M1 bị Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L và Võ Thanh P bị Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc và gá bạc trái phép thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau:

[7] Về vai trò của các bị cáo: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo là những người thực hành. Bị cáo Võ Thị T và bị cáo Trương Văn U có vai trò khởi xướng; bị cáo Thái Minh N sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất nên hình phạt sẽ cao hơn so với các bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc khác.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Thái Minh N, Hàn Bá T1, Trần Thị B, Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Võ Chí L, Hồ Văn M, Trần Văn H và Lê Văn M1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[10] Xét các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo (Trừ bị cáo Võ Thị T) có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, thời gian các bị cáo bị tạm giữ cũng đã nhận ra được hành vi sai trái. Do đó, Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 18.740.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc và thu L từ việc đánh bạc, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 04 bộ bài tây loại 52 lá (02 bộ đã qua sử dụng và 02 bộ chưa sử dụng) là công cụ dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt đối với các bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Hàn Bá T1, Trần Thị B, Thái M N là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đề nghị về hình phạt đối với các bị cáo Hồ Văn M, Trần Văn H, Lê Văn M1, Võ Chí L, Võ Thanh P, Nguyễn Thị L; về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Thái Minh N, Hàn Bá T1, Trần Thị B (H3), Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Võ Chí L, Hồ Văn M, Trần Văn H và Lê Văn M1.

Căn cứ Điều 35, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị L và Võ Thanh P.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Thái Minh N, Hàn Bá T1, Trần Thị B (Tên gọi khác: H3), Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Võ Chí L, Hồ Văn M, Trần Văn H và Lê Văn M1 phạm tội “Đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh P và Nguyễn Thị L phạm tội “Gá bạc”.

1.2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Võ Thị T số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Trương Văn U số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Thái Minh N số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Hàn Bá T1 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Trần Thị B (Hằng) số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T2 số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Hà Văn B1 số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Võ Chí L số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Hồ Văn M số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi B triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Trần Văn H số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi B triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Lê Văn M1 số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Võ Thanh P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Về biện pháp ngăn chặn: Hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đối với các bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Thái Minh N, Hàn Bá T1, Trần Thị B (H3), Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Võ Chí L, Hồ Văn M, Trần Văn H, Lê Văn M1, Nguyễn Thanh P và Võ Thị L.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 04 bộ bài tây loại 52 lá (02 bộ đã qua sử dụng và 02 bộ chưa sử dụng).

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/10/2021 tại của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát).

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 18.740.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

(Lệnh thanh toán lập ngày 11/10/2021 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Bến Cát theo Quyết định chuyển vật chứng số 125/QĐ ngày 03/10/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo Võ Thị T, Trương Văn U, Thái Minh N, Hàn Bá T1, Trần Thị B (H3), Nguyễn Việt T2, Hà Văn B1, Võ Chí L, Hồ Văn M, Trần Văn H, Lê Văn M1, Nguyễn Thanh P và Võ Thị L; mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B1 Dương;
- PV06 Công an tỉnh B1 Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh B1 Dương;
- VKSND tỉnh B1 Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát.
- Các bị cáo;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính